

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/HS-ST
Ngày 29-5-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh
2. Ông Nguyễn Văn Nhật

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Trúc Quỳnh, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2020/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị C (tức T), sinh năm 195X tại T. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam con ông: Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị A; Chồng là Phạm Văn N; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 22/11/2019; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước thành phố Hải Phòng; có mặt

Bị hại: Bà Đặng Thị H, sinh năm 196Y; địa chỉ: Số 100 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2018 bà Đặng Thị H, sinh năm 196Y và ông Phạm Quang T, sinh năm 196T cùng trú tại: số 100 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng thuê Nguyễn Thị C tới ở tại nhà số 71 M, quận L, Hải Phòng để trông cháu nội Phạm Ngọc

Minh C1, sinh năm 201L. Khoảng 09h ngày 02/11/2019 C cùng cháu C1 tới nhà bà H chơi. Tới khoảng 20h cùng ngày trong khi ngồi chơi cùng nhau C phát hiện trong túi xách màu đen của bà H có 01 cọc tiền trị giá 50.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 500.000 đồng) nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân. Tới khoảng 21h cùng ngày tại nhà số 100 T chỉ có: ông T cùng cháu C1 ngồi chơi tại tầng 1; bà H cầm túi xách lên phòng ngủ tại tầng 3 để đi tắm còn C lên tầng 2 để dọn dẹp. Khoảng 15' sau bà H đi xuống tầng 1 chơi với cháu, còn túi xách có chứa tiền bên trong để tại kệ đầu giường trong phòng ngủ tầng 3. Khi thấy bà H cùng ông T và cháu C1 đều ở dưới tầng 1, C đã lên tầng 3 lấy trong túi xách của bà H 01 xấp tiền (loại tiền mệnh giá 500.000 đồng không rõ số lượng) rồi cất vào túi quần trước bên phải. Khi đi ra khỏi phòng thì gặp ông T đi vào C đã nói với ông T là đi nhầm phòng sau đó đã đem số tiền vừa trộm cắp được xuống tầng 2 cất tại ngăn tủ dưới bồn rửa bát trong bếp. Tới khoảng 22h30 cùng ngày bà H phát hiện bị mất tiền nên đã cùng ông T và gọi bố mẹ cháu C1 tới hỏi C, C đã thừa nhận việc trộm cắp tiền và tự tay lấy số tiền đã trộm cắp ra đếm được 9.500.000 đồng (gồm 19 tờ loại 500.000 đồng) trả lại cho bà H. Sau khi sự việc xảy ra C đã về nhà tại Thái Bình.

Ngày 20/11/2019 bà Đặng Thị H tới Công an phường Trần Nguyên Hãn trình báo, khai nhận như nội dung nêu trên. Quá trình điều tra bà H còn khai trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 10/2019 bà H còn 5 lần bị mất trộm tài sản cụ thể: 03 lần bị mất tiền để trong túi xách tại số 24 A, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng vào các ngày 30/3/2019 mất 26 triệu đồng; khoảng tháng 6/2019 mất 12 triệu; ngày 04/8/2019 mất 18 triệu và 02 lần bị mất tài sản tại số 100 T, thành phố Hải Phòng vào các ngày 26/10/2019 mất 12 triệu đồng để trong túi xách trên phòng ngủ tầng 3 và khoảng tháng 8/2019 mất 01 nhẫn kim cương trị giá khoảng 45.000 USD cất tại tủ đầu giường phòng ngủ tầng 3. Bà H nghi ngờ C là người lấy trộm những tài sản trên nhưng không khẳng định điều đó nên bà H không nói với ai về việc bị mất trộm tài sản và không tới Công an trình báo. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã trả lại cho bà H số tiền 9.500.000 đồng. Bà H yêu cầu C trả lại tài sản đã nhận trộm cắp.

Nguyễn Thị C khai nhận hành vi trộm cắp 9.500.000 đồng như trên. Ngoài ra Nguyễn Thị C khai nhận trong khoảng từ tháng 3/2019 đến tháng 7/2019 đã 3 lần trộm cắp tiền của bà H để trong túi xách cất ở phòng ngủ tầng 3 tại nhà số 100 T tổng số tiền lấy trộm là 7.000.000 đồng (trong đó có 02 lần mỗi lần trộm cắp 2 triệu đồng; 01 lần trộm cắp 3 triệu đồng) nhưng không nhớ chính xác ngày giờ đã trộm cắp. Số tiền trộm cắp được C đã chi tiêu cá nhân hết 4.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng đã góp cùng tiền lương được trả hàng tháng mua 04 nhẫn vàng (tổng cộng 9 chỉ vàng). Hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã thu giữ số vàng trên do C giao nộp. Đối với việc bà H khai báo còn 5 lần bị mất trộm tài sản C không nhận đã thực hiện những lần trộm cắp trên.

Tại phiên tòa, bị cáo khai báo và thừa nhận: Ngày 02/11/2019 khi bị cáo thấy bà H bỏ sấp tiền cho cháu nội chơi nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt một ít

để dành chi tiêu sau này khi bị cáo không còn sức khỏe đi làm giúp việc, trông trẻ. Khi bà H để tiền trên phòng ngủ bị cáo đã lên vào rút một tập không rõ bao nhiêu tiền mang xuống 2 phòng bếp cất số tiền vừa lấy của bà H dưới bồn rửa bát ngăn để dễ lau. Khi bà H phát hiện bị mất tiền đã hỏi bị cáo, lúc đầu bị cáo chưa thừa nhận sau đã dẫn bà H cùng mọi người trong nhà đến chỗ giấu và lấy số tiền trên ra trả lại bà H, bà H đếm được là 9.500.000 đồng lúc đó bị cáo mới biết được số tiền đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 15 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố Nguyễn Thị C (tức T) về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 21h15 ngày 02/11/2019 Nguyễn Thị C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 9.500.000 đồng của bà Đặng Thị H tại số 100 T, quận L, thành phố Hải Phòng thì bị phát hiện thu hồi toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Việc Nguyễn Thị C khai nhận ngoài lần phạm tội ngày 02/11/2019, C còn thực hiện 3 lần trộm cắp 7 triệu đồng của bà H tại số 100 T, quận L, thành phố Hải Phòng; bà Đặng Thị H khai nhận đã 5 lần bị mất trộm tài sản gồm 3 lần bị mất 56 triệu tại số 24 A, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; 01 lần mất 7 triệu và 01 nhẫn trị giá 45.000 USD tại số 100 T, thành phố Hải Phòng do lời khai của C và bà H không phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và số tài sản bị chiếm đoạt, ngoài lời khai của C và bà H không còn lời khai, chứng cứ nào khác nên chưa đủ cơ sở chứng minh Nguyễn Thị C đã nhiều lần trộm cắp tài sản của bà H. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị C (tức T) phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo là người có công với cách mạng; bị cáo có chồng là thương binh loại A.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C (tức T) mức án từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Do bị cáo là người cao tuổi, bản thân đang hưởng trợ cấp thương tật, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 9.500.000đ chiếm đoạt của bà H tối ngày 02/11/2019 đã được bị cáo trả lại bà H ngay sau khi chiếm đoạt, bà H đã nhận lại đầy đủ và không có ý kiến hay yêu cầu gì, nên không đề nghị Hội đồng xét giải quyết.

Đối với 04 nhẫn vàng thu giữ của Nguyễn Thị C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tạm giữ để tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử lý sau; nên không đề nghị Hội đồng xét xử xét giải quyết.

Người bào chữa trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo: Bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố bị cáo Nguyễn Thị C (tức T) là đúng người, đúng hành vi phạm tội không có ý kiến hay tranh luận với nội dung truy tố bị cáo; Người bào chữa trình bày thêm về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ngoài những tình tiết Kiểm sát viên vừa đề nghị; người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được tình tiết giảm nhẹ tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do khi bà H chưa biết tài sản bị mất bị cáo đã thừa nhận và chủ động dẫn bà H đến chỗ cất để lấy tiền trả lại bà H trước khi bà H trình báo cơ quan Công an; số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi ngay trả lại cho bà H, nên hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn, theo hướng dẫn 994 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao ngày 09/4/2012 thì đây cũng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và hưởng mức hình phạt Cải tạo không giam giữ. Do bị cáo là người cáo tuổi và cũng là người có công với cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo không có ý kiến bổ sung với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến hay tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa và công nhận lời luận tội đúng hành vi phạm tội, không bị oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác tại hồ sơ và vật chứng thu

giữ nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21h15 ngày 02/11/2019 Nguyễn Thị C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 9.500.000 đồng của bà Đặng Thị H tại số 100 T, quận L, thành phố Hải Phòng. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và luận tội bị cáo Nguyễn Thị C (tức T) đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Việc bị cáo khai nhận trước đó còn thực hiện 03 lần chiếm đoạt với tổng số tiền là 07 triệu đồng của bà H tại số 100 T, còn bà Đặng Thị H khai nhận đã 05 lần bị mất trộm tài sản gồm 03 lần bị mất 56 triệu đồng tại số 24 A, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; 01 lần mất 07 triệu đồng và 01 nhẫn trị giá 45.000 USD tại số 100 T, thành phố Hải Phòng do lời khai của bị cáo và bà H không phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, số tài sản bị chiếm đoạt; ngoài lời khai của bị cáo và bà H ra không còn lời khai, chứng cứ nào khác nên chưa đủ cơ sở chứng minh bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản của bà H, Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ khi nào đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý. Căn cứ theo quy định về giới hạn việc xét xử, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với hành vi bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đã truy tố.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu riêng về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

[5] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã có thời gian tham gia phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước bị thương tật vĩnh viễn 22%; bị cáo là người có công với cách mạng và có chồng là thương binh hạng A. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét khi lượng hình là phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo.

[7] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “tự thú” và “gây thiệt hại không lớn” theo điểm d, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xét, qua phần tranh luận, đối đáp đối chiếu theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành và Quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho thấy ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo chưa có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ phân tích về động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt phù hợp với hành vi

phạm tội để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối chiếu theo Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có điều kiện, để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo là phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo đề nghị. Việc đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ chưa có cơ sở nên cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù những được áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định (đi làm giúp việc trông trẻ), nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với thực tế và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

[10] Số tiền 9.500.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bà H, đã được thu hồi lại ngay và đầy đủ, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Không có

[11] Đối với 04 nhẫn vàng thu giữ của Nguyễn Thị C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tạm giữ để tiếp tục điều tra khi nào rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về án phí:

[12] Bị cáo là người cao tuổi và là người có công với cách mạng, bị cáo có đơn xin miễn án phí; Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo là đúng với quy định pháp luật và phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Thị C (tức T) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân xã A, huyện Q, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Gia đình bị cáo C (tức T) có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 2, 26 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Lê Chân + PV 06;
- Bị cáo + THA Hình sự;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Sở tư pháp;
- UBND xã A, huyện Q, tỉnh T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc